

Bản án số: 56/2024/DS-ST
Ngày: 24-07-2024
V/v tranh chấp tiền hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Kiều Phương;

Ông Nguyễn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Trui - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp tiền hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024, thông báo dời ngày xét xử số 329/TB-TA ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị T**, sinh năm: 1974 (có mặt).

Địa chỉ: **Ấp L, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.**

Bị đơn: Ông **Lê Văn N**, sinh năm: 1965 (vắng mặt).

Bà **Nguyễn Thị N1 (Đỗ Kim N2)**, sinh năm: 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: **Ấp L, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà **Trịnh Thị T** trình bày yêu cầu:

Ngày 10/10/2014 âm lịch, vợ chồng bà **N2** và ông **N** có mở hụi bà **T** tham gia 01 chân và mua 01 chân, loại hụi 300.000 đồng có 59 chân, tháng khui 02

lần, đóng 29 kỳ thì đình hụi số tiền được hưởng 8.700.000 đồng; cũng dây hụi này có mua 01 chân hụi số tiền là 11.500.000 đồng. Khi đình hụi bà N2 có ghi giấy để làm bằng chứng. Nay yêu cầu bà N2, ông N liên đới thanh toán 20.200.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời trình bày ngày 25/6/2024, bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Bà N1 có mở nhiều dây hụi ở địa phương, bắt đầu làm chủ hụi từ năm 2014, đến năm 2016 do nhiều người hốt hụi không đóng lại hụi chết nên bà tràn không nổi dẫn đến đình hụi.

Bà T có tham gia 01 chân hụi và mua 01 chân hụi, sau khi đình hụi có chót nợ lại thì vợ chồng bà còn nợ bà T tiền hụi mua và hụi tham gia tổng cộng 20.200.000 đồng; việc mua hụi có biên nhận ghi Đỗ Kim N2, vợ 8 Nhiều.

Hụi đình, nợ nhiều bà con là hụi viên nên bà có đi làm thuê kiếm tiền trả nợ; đối với bà T, vợ chồng bà chưa trả đồng nào. Bà N2 khẳng định không có lấy hụi của hụi viên hốt, không có tiền tràn hụi vợ chồng bà có hỏi vay bên ngoài để lấp hụi chứ không có lấy chân hụi nào của hụi viên để hốt như trình bày của các hụi viên.

Việc làm chủ hụi là kiếm thêm thu nhập cho gia đình, nên trách nhiệm trả nợ là của vợ chồng, bà N2 đồng ý cùng ông N liên đới thanh toán cho bà T 20.200.000 đồng.

Đồng bị đơn ông Lê Văn N, không có ý kiến trả lời về vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày: Yêu cầu vợ chồng bà N2, ông N liên đới thanh toán cho bà 20.200.000 đồng tiền hụi.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến khác.

Ý kiến kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm nên không có ý kiến.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn liên đới thanh toán cho nguyên đơn 20.200.000 đồng tiền hụi; về án phí có giá ngạch bị đơn chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự xác định tranh chấp tiền hối là quan hệ dân sự nên yêu cầu Tòa án giải quyết và cam đoan không có gửi đơn yêu cầu đến cơ quan nào khác, do đó Tòa án thụ lý theo thủ tục tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tòa án tổng đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo dời ngày xét xử cho bị đơn hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn **Lê Văn N**, bà **Nguyễn Thị N1**.

Về nội dung vụ án:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

Bà **Trịnh Thị T** khởi kiện vợ chồng ông **Lê Văn N**, bà **Nguyễn Thị N1** yêu cầu thanh toán tiền hối, quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp tiền hối.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn

Bà **T** yêu cầu vợ chồng ông **N**, bà **N1** thanh toán số tiền nợ hối 20.200.000 đồng. Thấy rằng, tại biên bản ghi lời trình bày ngày 25/6/2024 bà **N1** thừa nhận còn nợ bà **T** 20.200.000 đồng (bút lục số 87), việc thừa nhận này phù hợp với biên nhận nhận nợ do nguyên đơn cung cấp (bút lục số 41), căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Do đó có cơ sở khẳng định bà **N1** còn nợ tiền bà **T** là có thật, bà **T** yêu cầu vợ chồng bà **N1** liên đới thanh toán, bà **N1** đồng ý liên đới cùng ông **N** thanh toán. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông **N** chưa có ý kiến đối với khoản nợ bà **T**. Thấy rằng, việc bà **N1** làm hối là kiếm thêm thu nhập cho gia đình.

Theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định trách nhiệm liên đới của vợ, chồng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy, buộc ông **N** có trách nhiệm liên đới cùng bà **N1** thanh toán tiền hối là phù hợp.

Từ những phân tích trên, buộc bà **N1** và ông **N** liên đới thanh toán cho bà **T** tiền nợ hối 20.200.000 đồng. Chậm thanh toán chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên tổng số tiền chậm thi hành án.

Về án phí: Bà **N1**, ông **N** phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 20.200.000 đồng x 5% = 1.010.000 đồng (một triệu không trăm mười ngàn đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

Ý kiến của kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trịnh Thị T**, về việc khởi kiện bà **Nguyễn Thị N1**, ông **Lê Văn N** yêu cầu thanh toán tiền hội còn nợ.

Buộc bà **Nguyễn Thị N1** và ông **Lê Văn N** liên đới thanh toán cho bà **Trịnh Thị T** 20.200.0000 đồng (hai mươi triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án trường hợp bà **N1** và ông **N** chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà **Nguyễn Thị N1**, ông **Lê Văn N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.010.000 đồng (một triệu không trăm mười ngàn đồng).

+ Nguyên đơn bà **Trịnh Thị T** có nộp tạm ứng án phí 505.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0016345 ngày 01/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính